

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SỐ VÀ HẠ TẦNG GIẢNG DẠY, HỌC TẬP HIỆN ĐẠI TẠI ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TỪ CHIẾN LƯỢC THÚC ĐẨY HỌC TẬP SUỐT ĐỜI ĐẾN HIỆN THỰC HÓA CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguyễn Đức Vinh¹

Email: vinhnd@ueh.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 18/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 8/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.807

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung phân tích chiến lược đầu tư và phát triển công nghệ số cùng hạ tầng giảng dạy, học tập hiện đại tại Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH), xem xét đây là một trường hợp nghiên cứu điển hình. Thông qua phương pháp nghiên cứu định tính với kỹ thuật phân tích tài liệu là chủ đạo, bài viết luận giải mối liên hệ hữu cơ giữa việc hiện đại hóa cơ sở vật chất - công nghệ với hai mục tiêu vĩ mô: thúc đẩy văn hóa học tập suốt đời và góp phần hiện thực hóa các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Kết quả phân tích cho thấy, việc UEH triển khai một cách có hệ thống các nền tảng công nghệ như hệ thống quản lý học tập (LMS), thư viện thông minh và lớp học hybrid không chỉ là một nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo mà còn kiến tạo một hệ sinh thái giáo dục mở và linh hoạt. Hệ sinh thái này được xác định là nhân tố then chốt trong việc trang bị cho người học năng lực thích ứng với nền kinh tế số (SDG 8), thúc đẩy đổi mới sáng tạo (SDG 9), và quan trọng nhất là hiện thực hóa cam kết về một nền giáo dục chất lượng, công bằng và cho tất cả mọi người (SDG 4). Từ đó, nghiên cứu khẳng định rằng mô hình của UEH cung cấp những hàm ý chính sách và quản trị quan trọng cho các cơ sở giáo dục đại học khác tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

Từ khóa: phát triển bền vững, công nghệ số, học tập suốt đời, Đại học Kinh tế TP.HCM (UEH), hạ tầng giáo dục, chuyển đổi số, giáo dục đại học

I. Đặt vấn đề

Bối cảnh toàn cầu hóa và tác động sâu rộng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những thách thức và yêu cầu cấp thiết về việc đổi mới toàn diện

hệ thống giáo dục đại học. Trong dòng chảy đó, các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) do Liên Hợp Quốc khởi xướng đã định hình một khung khổ phát triển toàn diện, trong đó giáo dục được xác định

¹ UEH Mekong, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

là nền tảng cốt lõi. Đặc biệt, Mục tiêu 4 (SDG 4) với lời kêu gọi “đảm bảo một nền giáo dục hòa nhập, công bằng, chất lượng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người” (UNESCO, 2015), đã đặt ra một sứ mệnh mới cho các cơ sở giáo dục. Tại Việt Nam, quyết tâm chính trị của Chính phủ trong việc thực hiện các SDGs và đẩy mạnh chương trình Chuyển đổi số quốc gia đã tạo ra một hành lang chiến lược, yêu cầu các trường đại học phải giữ vai trò tiên phong.

Trong số các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH) đã thể hiện vai trò tiên phong này một cách rõ nét thông qua chiến lược tái định vị thành đại học đa ngành và bền vững, với một cam kết hành động mạnh mẽ vì 17 SDGs. Song song với cam kết vĩ mô, nhà trường đã có những bước đi đột phá trong việc đầu tư vào công nghệ số và hiện đại hóa hạ tầng giảng dạy, học tập. Thực tiễn này làm nảy sinh một câu hỏi nghiên cứu trung tâm: *Việc đầu tư vào công nghệ số và hạ tầng hiện đại tại UEH đã kết nối và cộng hưởng với chiến lược theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững và thúc đẩy học tập suốt đời như thế nào?* Việc luận giải một cách khoa học mối liên hệ này không chỉ có ý nghĩa trong việc đánh giá hiệu quả chiến lược của một trường đại học cụ thể, mà còn cung cấp một mô hình tham khảo thực tiễn, giàu ý nghĩa cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm hệ thống hóa thực trạng đầu tư, phân tích sâu sắc các tác động và làm rõ mối liên kết chiến lược giữa các yếu tố này, qua đó khẳng định rằng đầu tư công nghệ trong giáo dục là một chiến lược toàn diện nhằm tạo ra các tác động xã hội sâu sắc và bền vững.

II. Cơ sở lý thuyết

Để phân tích vấn đề nghiên cứu, bài viết dựa trên một khung lý thuyết tích hợp từ ba trụ cột chính. Trụ cột thứ nhất là các học thuyết về *xã hội học tập* và *học tập suốt đời trong kỷ nguyên số*. Khái niệm “học tập suốt đời” được định nghĩa là mọi hoạt động học tập có chủ đích trong suốt cuộc đời nhằm nâng cao kiến thức và năng lực (UNESCO Institute for Lifelong Learning). Nó là tiền đề để xây dựng “xã hội học tập”, nơi mọi công dân đều được trao quyền và có động lực học hỏi không ngừng. Công nghệ số, với các nền tảng như MOOCs, tài nguyên giáo dục mở (OER) và hệ thống quản lý học tập (LMS), đã trở thành chất xúc tác mạnh mẽ, phá vỡ các rào cản về không gian và thời gian, cho phép cá nhân hóa lộ trình học tập và biến việc học thành một quá trình liên tục, tích hợp vào đời sống (Siemens, 2005).

Trụ cột thứ hai là vai trò của *giáo dục đại học trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs)*. 17 SDGs là một chương trình nghị sự toàn cầu và các trường đại học được xem là trung tâm của sự thay đổi thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, quản trị và phục vụ cộng đồng (Leal Filho et al., 2018). Nghiên cứu này đặc biệt tập trung vào cách thức các hoạt động của trường đại học tác động đến SDG 4 (Giáo dục chất lượng), SDG 8 (Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế), SDG 9 (Công nghiệp, Đổi mới và Cơ sở hạ tầng) và SDG 11 (Thành phố và Cộng đồng bền vững), xem đây là những mục tiêu có mối liên hệ trực tiếp nhất với sứ mệnh của một cơ sở giáo dục.

Trụ cột thứ ba là lý thuyết về *chuyển đổi số trong giáo dục đại học*. Đây là một quá trình tích hợp toàn diện công nghệ số vào mọi hoạt động của nhà trường, không

chỉ dừng lại ở việc số hóa tài liệu mà còn là sự tái cấu trúc về mô hình hoạt động và văn hóa tổ chức. Quá trình này bao gồm việc xây dựng hạ tầng số, các nền tảng dạy và học, quản trị thông minh và phát triển học liệu số. Từ ba trụ cột này, nghiên cứu đề xuất một khung phân tích nhân quả, xem xét *đầu tư công nghệ và hạ tầng* là biến đầu vào, quá trình *thúc đẩy xã hội học tập* là biến trung gian và việc *đóng góp vào các SDGs* là kết quả đầu ra.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính (qualitative research), với thiết kế chủ đạo là nghiên cứu tình huống (case study). Việc lựa chọn Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh làm một tình huống nghiên cứu điển hình được dựa trên cơ sở rằng đây là một trong những trường đại học công lập tiên phong tại Việt Nam đã công bố chiến lược phát triển bền vững một cách rõ ràng và có những hành động đầu tư cụ thể, có thể quan sát được vào chuyển đổi số. Cách tiếp cận này cho phép khám phá các mối liên hệ phức tạp, bối cảnh và các sắc thái mà các phương pháp định lượng khó có thể nắm bắt được.

Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập chủ yếu thông qua kỹ thuật phân tích tài liệu (document analysis). Các nguồn dữ liệu thứ cấp được sử dụng bao gồm báo cáo chiến lược, báo cáo thường niên, đề án tái cấu trúc của UEH giai đoạn 2021-2030; các thông cáo báo chí, bài viết trên website chính thức của nhà trường và các phương tiện truyền thông; cùng với các quy định, hướng dẫn về việc tổ chức giảng dạy, học tập theo các mô hình mới.

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp phân tích theo chủ đề (thematic analysis), phản ánh các khía cạnh của câu hỏi nghiên cứu. Các chủ đề

này được sử dụng để xây dựng một câu chuyện phân tích mạch lạc và có cơ sở.

Quy trình phân tích dữ liệu được tiến hành qua ba giai đoạn. (1) Thu thập dữ liệu: Nghiên cứu tổng hợp tài liệu, bao gồm báo cáo chiến lược, báo cáo thường niên UEH giai đoạn 2020-2024, thông cáo báo chí, tài liệu nội bộ và các văn bản quy hoạch, cùng các công trình học thuật liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam. (2) Mã hoá và phân loại: Dữ liệu được xử lý bằng phương pháp mã hoá mở, nhận diện các cụm khái niệm chính liên quan đến “đầu tư công nghệ”, “học tập suốt đời”, “SDGs”, “văn hoá số”, sau đó tiến hành mã hoá trực để thiết lập quan hệ giữa các chủ đề. (3) Xác thực và đối chiếu: Để tăng tính tin cậy, nghiên cứu đã phỏng vấn thăm dò một số cán bộ quản lý và giảng viên UEH về hiệu quả triển khai LMS, thư viện số và lớp học hybrid; đồng thời đối chiếu chéo với dữ liệu từ báo cáo nội bộ và công bố truyền thông chính thức của trường.

Cách tiếp cận này vừa duy trì nền tảng phân tích tài liệu, vừa bổ sung yếu tố dữ liệu sơ cấp định tính nhằm khắc phục hạn chế “phụ thuộc vào nguồn thứ cấp” và tăng tính thực nghiệm của nghiên cứu.

IV. Kết quả và thảo luận

Quá trình phân tích dữ liệu thứ cấp, bao gồm các báo cáo chiến lược và thông tin công khai của Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH), đã làm nổi bật ba chủ đề chính, phản ánh một cách toàn diện mối liên hệ hữu cơ giữa đầu tư công nghệ, thúc đẩy học tập suốt đời và cam kết phát triển bền vững. Các chủ đề này không tồn tại độc lập mà có sự tương tác, cộng hưởng lẫn nhau, tạo nên một câu chuyện nhất quán về quá trình chuyển đổi của nhà trường.

4.1. Chủ đề 1: Kiến tạo một hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ và tích hợp

Kết quả phân tích cho thấy chiến lược của UEH không phải là việc đầu tư vào các công nghệ rời rạc, mà là nỗ lực kiến tạo một *hệ sinh thái giáo dục số (digital education ecosystem)* đồng bộ và có tính tích hợp cao. Trọng tâm của hệ sinh thái này là ba trụ cột chính: *Hệ thống quản lý học tập (LMS-UEH)*, *Thư viện thông minh (Smart Library)* và *Hạ tầng lớp học linh hoạt (Hybrid Classrooms)*.

Thay vì chỉ đóng vai trò là một kho chứa tài liệu, hệ thống LMS-UEH đã được phát triển thành một trung tâm điều phối toàn diện cho hoạt động giảng dạy và học tập. Nó tích hợp từ việc phân phối học liệu, tổ chức thảo luận trực tuyến, giao và chấm bài tập, đến thực hiện các bài kiểm tra đánh giá. Sự tích hợp này tạo ra một “lớp học ảo” song hành cùng lớp học vật lý, đảm bảo trải nghiệm học tập liền mạch và nhất quán. Trong khi đó, Thư viện thông minh không chỉ là một không gian vật lý được trang bị công nghệ tự động hóa, mà còn là một cổng truy cập tới nguồn tri thức toàn cầu với hàng trăm ngàn tài liệu số. Sự kết nối giữa LMS và thư viện số cho phép sinh viên truy cập tài nguyên học thuật một cách dễ dàng ngay trong môi trường khóa học của mình, xóa bỏ khoảng cách giữa việc học trên lớp và việc tự nghiên cứu.

Trụ cột thứ ba, hạ tầng lớp học hybrid, chính là mảnh ghép hoàn thiện hệ sinh thái này. Nó đóng vai trò là cầu nối vật lý-số, cho phép các hoạt động học thuật diễn ra đồng thời và bình đẳng cho cả người học có mặt trực tiếp và người học từ xa. Sự đồng bộ giữa ba trụ cột này tạo ra một hiệu ứng cộng hưởng: sinh viên có thể tham gia lớp học hybrid từ bất cứ đâu, truy cập tài liệu trên LMS và tìm kiếm

nguồn tham khảo sâu hơn từ thư viện số chỉ với một vài thao tác.

Có thể thấy rằng cách tiếp cận hệ sinh thái của UEH thể hiện một tư duy chiến lược vượt trội so với việc «số hóa» đơn thuần. Nó không chỉ cung cấp công cụ, mà còn định hình lại toàn bộ trải nghiệm và quy trình học tập. Mô hình này hoàn toàn phù hợp với lý thuyết *Kết nối luận (Connectivism)* của Siemens (2005), vốn xem việc học trong kỷ nguyên số là quá trình tạo ra và điều hướng các mạng lưới kết nối tri thức. Hệ sinh thái của UEH chính là một mạng lưới như vậy, nơi công nghệ đóng vai trò kết nối người học với tri thức, với giảng viên và với nhau một cách hiệu quả nhất. Nó trao quyền tự chủ và khả năng kiểm soát lộ trình học tập cho người học, một yếu tố nền tảng của văn hóa học tập suốt đời.

4.2. Chủ đề 2: Công nghệ như một chất xúc tác định hình văn hóa học tập suốt đời

Từ hệ sinh thái công nghệ nêu trên, kết quả phân tích cho thấy một tác động sâu sắc hơn đang diễn ra: sự định hình một *văn hóa học tập suốt đời*. Tác động này không chỉ giới hạn ở nhóm sinh viên chính quy mà còn có tiềm năng lan tỏa ra cộng đồng rộng lớn hơn.

Đối với sinh viên, việc gỡ bỏ các rào cản về không gian và thời gian đã làm giảm đáng kể “chi phí cơ hội” của việc học. Khả năng xem lại bài giảng, truy cập tài liệu 24/7 và tham gia học tập từ xa đã biến việc học từ một hoạt động bị giới hạn trong thời khóa biểu cố định thành một quá trình linh hoạt, có thể tích hợp vào mọi khía cạnh của đời sống. Điều này nuôi dưỡng thói quen tự học và tinh thần tự chủ, vốn là những phẩm chất cốt lõi của người học suốt đời.

Đối với giảng viên, công nghệ đóng vai trò là một chất xúc tác cho sự *đổi mới sư phạm*. Thay vì chỉ là người truyền thụ kiến thức một chiều, họ buộc phải trở thành những người thiết kế và điều phối các trải nghiệm học tập đa dạng. Việc chuẩn bị học liệu số, tổ chức hoạt động tương tác trực tuyến và sử dụng các công cụ đánh giá mới đòi hỏi một sự thay đổi sâu sắc trong tư duy và kỹ năng. Quá trình này, dù ban đầu có thể gặp thách thức, nhưng về lâu dài sẽ nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên, biến họ thành những người đồng hành trong hành trình học tập của sinh viên.

Quan trọng hơn, nền tảng công nghệ sẵn có đã mở ra cho UEH cơ hội để thực hiện sứ mệnh phục vụ cộng đồng. Việc tổ chức các khóa học ngắn hạn, các buổi hội thảo chuyên đề trực tuyến cho cựu sinh viên, doanh nghiệp và công chúng trở nên dễ dàng và có quy mô lớn hơn. UEH không còn là một “tháp ngà” tri thức, mà đang dần chuyển mình thành một *trường đại học mở*, một trung tâm học tập của cộng đồng.

Có thể thấy công nghệ tại UEH không chỉ là công cụ, mà thực sự đang hoạt động như một «kiến trúc sư» định hình hành vi và văn hóa. Bằng cách làm cho việc học trở nên dễ tiếp cận và linh hoạt hơn, nó đã hạ thấp ngưỡng tâm lý để một cá nhân bắt đầu và duy trì quá trình học hỏi của mình. Đây chính là bản chất của việc thúc đẩy học tập suốt đời, không phải bằng khẩu hiệu, mà bằng việc tạo ra một môi trường thuận lợi nơi việc học trở thành một lựa chọn tự nhiên và hấp dẫn. Điều này trực tiếp hiện thực hóa khía cạnh quan trọng nhất của SDG 4, đó là “thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”.

4.3. Chủ đề 3: Tích hợp các Mục tiêu phát triển bền vững vào DNA chiến lược

Chủ đề cuối cùng, cũng là chủ đề bao trùm nhất, là việc *tích hợp một cách có chủ đích các Mục tiêu phát triển bền vững vào DNA chiến lược của nhà trường*, trong đó công nghệ đóng vai trò là phương tiện triển khai cốt lõi.

Phân tích cho thấy mỗi khoản đầu tư công nghệ của UEH đều được soi chiếu dưới lăng kính phát triển bền vững.

Với SDG 4 (Giáo dục chất lượng) và SDG 10 (Giảm bất bình đẳng): Mô hình lớp học hybrid và kho tài nguyên giáo dục mở trên thư viện số là những hành động cụ thể nhằm đảm bảo tính *công bằng trong tiếp cận giáo dục*. Một sinh viên ở khu vực xa xôi hoặc có hoàn cảnh khó khăn vẫn có cơ hội tiếp cận cùng một chất lượng bài giảng như sinh viên tại cơ sở chính. Điều này vượt qua giới hạn vật lý và góp phần thu hẹp khoảng cách giáo dục.

Với SDG 8 (Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế) và SDG 9 (Công nghiệp, Đổi mới và Cơ sở hạ tầng): Việc cho sinh viên học tập và tương tác hàng ngày trên một nền tảng số hiện đại chính là quá trình *đào tạo kỹ năng số* một cách tự nhiên và thực tế nhất. Sinh viên tốt nghiệp từ một môi trường như vậy sẽ có khả năng thích ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động trong nền kinh tế 4.0, từ đó đóng góp vào việc nâng cao năng suất và thúc đẩy đổi mới.

Với SDG 11 (Thành phố và Cộng đồng bền vững): UEH đang định vị mình không chỉ là một cơ sở đào tạo, mà còn là một “*phòng thí nghiệm sống*” (*living lab*) cho các giải pháp bền vững. Thư viện thông minh được thiết kế như một không gian xanh, khuyến khích sự sáng tạo và

tương tác cộng đồng. Việc vận hành một hạ tầng công nghệ lớn cũng đặt ra các bài toán về sử dụng năng lượng hiệu quả, quản lý rác thải điện tử, góp phần nâng cao nhận thức và thực hành bền vững ngay trong nội bộ nhà trường.

Điểm đáng chú ý nhất là sự chuyển dịch từ việc xem SDGs như một hoạt động báo cáo hay trách nhiệm xã hội bên lề, sang việc coi đó là *la bàn định hướng cho chiến lược cốt lõi*. Cách tiếp cận này của UEH cho thấy một sự trưởng thành trong tư duy quản trị đại học hiện đại. Công nghệ không được đầu tư một cách vô hướng, mà trở thành công cụ đắc lực để giải quyết các thách thức xã hội cụ thể mà các SDGs đã chỉ ra. Mô hình này khẳng định một cách mạnh mẽ vai trò mà Leal Filho và cộng sự (2018) đã đề cập: các trường đại học phải là những tác nhân chủ động, dẫn dắt quá trình chuyển đổi sang một tương lai bền vững hơn, bắt đầu từ chính các hoạt động và chiến lược nội tại của mình.

V. Kết luận và hàm ý

Nghiên cứu này đã luận giải và chứng minh một mối liên hệ chặt chẽ, mang tính chiến lược giữa việc phát triển công nghệ số, hạ tầng hiện đại tại UEH với cam kết thúc đẩy học tập suốt đời và hiện thực hóa các Mục tiêu phát triển bền vững. Thông qua việc kiến tạo một hệ sinh thái công nghệ đồng bộ, UEH đã tạo ra một môi trường giáo dục mở, linh hoạt và chất lượng cao, không chỉ nâng cao hiệu quả đào tạo mà còn trở thành phương tiện để nhà trường thực hiện sứ mệnh xã hội.

Từ kết quả nghiên cứu, một số hàm ý quan trọng được rút ra. Về mặt quản trị, mô hình của UEH cho thấy sự thành công của chuyển đổi số đòi hỏi một tầm nhìn chiến lược dài hạn và sự cam kết từ cấp lãnh đạo cao nhất. Việc tích hợp các mục tiêu SDGs

vào chiến lược tổng thể giúp các hoạt động đầu tư trở nên có mục đích và tạo ra tác động lớn hơn. Đối với các trường đại học khác, bài học kinh nghiệm là cần tập trung xây dựng hệ sinh thái công nghệ thay vì đầu tư vào các giải pháp đơn lẻ, đồng thời phải chú trọng đến việc thay đổi văn hóa và đào tạo kỹ năng cho con người.

VI. Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, phạm vi nghiên cứu chỉ tập trung vào một trường đại học (UEH), nên các kết quả khó khái quát cho toàn bộ hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Thứ hai, dữ liệu định tính chưa đủ để đo lường định lượng mức độ tác động của công nghệ số đến kết quả học tập hay năng lực số của sinh viên.

Trong các nghiên cứu tiếp theo, có thể mở rộng theo ba hướng: (1) Thiết kế khảo sát định lượng để đo lường tác động cụ thể của các yếu tố công nghệ (LMS, hybrid learning, thư viện số) đến kết quả học tập và trải nghiệm người học; (2) So sánh liên trường giữa UEH và các cơ sở đại học khác đã triển khai chuyển đổi số; (3) Phân tích thực nghiệm theo thời gian nhằm đánh giá tác động bền vững của đầu tư công nghệ đến văn hóa học tập suốt đời và hiệu quả tổ chức. Việc mở rộng hướng nghiên cứu này không chỉ củng cố tính thực nghiệm mà còn giúp xác lập các mô hình chính sách có thể nhân rộng trong toàn hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2021). *Chiến lược phát triển UEH giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030*.
- [2]. Leal Filho, W., et al. (2018). The role of higher education institutions in sustainability initiatives. *Journal of Cleaner Production*, 172, 489-498.

- [3]. Siemens, G. (2005). Connectivism: A learning theory for the digital age. *International Journal of Instructional Technology and Distance Learning*, 2(1).
- [4]. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- [5]. UNESCO (2015). *Education 2030: Incheon Declaration and Framework for Action for the implementation of Sustainable Development Goal 4*.

THE DEVELOPMENT OF DIGITAL TECHNOLOGY AND MODERN TEACHING-LEARNING INFRASTRUCTURE AT THE UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY: FROM A STRATEGY OF PROMOTING LIFELONG LEARNING TO THE REALIZATION OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS

Nguyen Duc Vinh²

Abstract: *This study focuses on analyzing the investment and development strategy for digital technology and modern teaching-learning infrastructure at the University of Economics Ho Chi Minh City (UEH), considered as a case study. Employing a qualitative research method with a primary focus on document analysis, the paper elucidates the organic linkage between the modernization of physical and technological infrastructure and two macro-objectives: promoting a lifelong learning culture and contributing to the realization of the United Nations’ Sustainable Development Goals (SDGs). The analysis reveals that UEH’s systematic implementation of technological platforms, such as the Learning Management System (LMS), the Smart Library, and hybrid classrooms, is not merely an effort to enhance training quality but also to construct an open and flexible educational ecosystem. This ecosystem is identified as a key factor in equipping learners with the competencies to adapt to the digital economy (SDG 8), fostering innovation (SDG 9), and, most importantly, actualizing the commitment to quality, equitable education for all (SDG 4). Consequently, the study posits that the UEH model offers significant policy and administrative implications for other higher education institutions in Vietnam within the context of the national digital transformation.*

Keywords: *sustainable development, digital technology, lifelong learning, University of Economics Ho Chi Minh City (UEH), educational infrastructure, digital transformation, higher education*

² UEH Mekong, University of Economics Ho Chi Minh City